

Số: *04*/2021/QĐ-UBND

Thái Bình, ngày *02* tháng *4* năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định khung giá dịch vụ sử dụng cảng cá được đầu tư bằng
nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Thái Bình.**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17 tháng 02 năm 2014 của Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa dịch vụ;

Căn cứ Báo cáo số 170/BC-STP ngày 17 tháng 8 năm 2020 của Sở Tư pháp về việc thẩm định dự thảo “Quyết định quy định khung giá dịch vụ sử dụng cảng cá được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Thái Bình”;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông Vận tải tại Tờ trình số 116/TTr-SGTVT ngày 09 tháng 10 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng****1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định về khung giá dịch vụ sử dụng cảng cá được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các đơn vị quản lý, vận hành, khai thác cảng cá trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

b) Các tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ cảng cá trên địa bàn tỉnh.

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

3. Đối tượng được miễn

- Phương tiện sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh (trừ các phương tiện sử dụng vào hoạt động kinh tế); phương tiện của cơ quan hải quan đang làm nhiệm vụ (trừ các phương tiện sử dụng vào hoạt động kinh tế); phương tiện của cơ quan thanh tra giao thông.

- Phương tiện cập cảng để tránh thiên tai.

- Phương tiện trong thời gian neo đậu tại cảng theo lệnh cấm xuất bến của cơ quan có thẩm quyền.

- Phương tiện vận chuyển phòng chống thiên tai; phương tiện vào cảng làm công tác từ thiện (cứu hộ, cứu nạn, cấp cứu người bệnh, tai nạn...).

Điều 2. Khung giá dịch vụ sử dụng cảng cá

TT	Danh mục dịch vụ sử dụng cảng cá	Đơn vị tính	Khung giá	
			Giá tối thiểu	Giá tối đa
I	Tàu thuyền đánh cá cập cảng			
1	Có công suất dưới 20CV	Đồng/lần ra vào	8.000	10.000
2	Có công suất từ 20CV đến 50 CV	Đồng/lần ra vào	13.000	20.000
3	Có công suất trên 50CV đến 90CV	Đồng/lần ra vào	22.000	40.000
4	Có công suất trên 90CV đến 200CV	Đồng/lần ra vào	40.000	60.000
5	Có công suất trên 200CV	Đồng/lần ra vào	60.000	100.000
II	Tàu thuyền vận tải cập cảng			
1	Có trọng tải dưới 5 tấn	Đồng/lần ra vào	11.000	20.000
2	Có trọng tải từ 5 đến 10 tấn	Đồng/lần ra vào	22.000	40.000
3	Có trọng tải trên 10 đến 100 tấn	Đồng/lần ra vào	50.000	100.000
4	Có trọng tải trên 100 tấn	Đồng/lần ra vào	100.000	160.000

TT	Danh mục dịch vụ sử dụng cảng cá	Đơn vị tính	Khung giá	
			Giá tối thiểu	Giá tối đa
III	Phương tiện vận tải			
1	Xe máy, xích lô, ba gác chở hàng	Đồng/lần ra vào	2.000	3.000
2	Phương tiện có trọng tải dưới 1 tấn	Đồng/lần ra vào	5.500	10.000
3	Phương tiện có trọng tải từ 1 đến 2,5 tấn	Đồng/lần ra vào	11.000	20.000
4	Phương tiện có trọng tải trên 2,5 đến 5 tấn	Đồng/lần ra vào	20.000	30.000
5	Phương tiện có trọng tải trên 5 đến 10 tấn	Đồng/lần ra vào	30.000	40.000
6	Phương tiện có trọng tải trên 10 tấn	Đồng/lần ra vào	40.000	50.000
7	Xe ô tô dưới 12 chỗ ngồi	Đồng/lần ra vào	8.000	15.000
8	Xe ô tô từ 12 chỗ ngồi trở lên	Đồng/lần ra vào	15.000	25.000
9	Các loại phương tiện khác: Xe cầu hàng, xe múc, xe nâng hàng...	Đồng/lần ra vào	27.500	50.000
IV	Hàng hóa qua cảng			
1	Hàng thủy sản, động vật tươi sống	Đồng/tấn	11.000	20.000
2	Hàng hóa là Container	Đồng/container	38.500	70.000
3	Các loại hàng hóa khác	Đồng/tấn	4.500	8.000
V	Dịch vụ sử dụng bến bãi, mặt bằng tại khu vực cảng cá			
1	Dịch vụ sử dụng bến bãi, mặt bằng có mái che	Đồng/m ² /ngày	1.200	1.500
2	Dịch vụ sử dụng bến bãi, mặt bằng không có mái che			
2.1	Mặt bằng kinh doanh dịch vụ	Đồng/m ² /tháng	2.800	3.500
2.2	Dịch vụ sửa chữa tàu thuyền	Đồng/m ² /tháng	2.000	2.500
2.3	Cơ sở sản xuất nước đá, dịch vụ xăng dầu	Đồng/m ² /tháng	3.200	4.000
2.4	Các dịch vụ sử dụng bến, bãi mặt bằng khác	Đồng/m ² /tháng	2.400	3.000

Khung giá dịch vụ sử dụng cảng cá trên là giá đã bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT).

Điều 3. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện triển khai, hướng dẫn, chỉ đạo các đơn vị quản lý, vận hành, khai thác cảng cá thực hiện quy định về khung giá dịch vụ sử dụng cảng cá trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra việc thực hiện giá dịch vụ sử dụng cảng cá trên địa bàn tỉnh.

3. Cơ quan thuế địa phương chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thường xuyên kiểm tra, rà soát việc chấp hành các quy định pháp luật về thuế đối với các đơn vị quản lý, vận hành, khai thác cảng cá; hướng dẫn việc kê khai nộp thuế, quyết toán thuế đối với doanh thu thu được theo quy định.

4. Đơn vị quản lý cảng cá căn cứ tình hình thực tế tại cảng cá quyết định mức giá cụ thể cho phù hợp, mức giá nằm trong khung giá dịch vụ sử dụng cảng quy định tại Điều 2 Quyết định này; thực hiện việc niêm yết công khai giá dịch vụ sử dụng cảng cá; kê khai nộp thuế, quyết toán thuế theo quy định.

5. Các tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ cảng cá có trách nhiệm chấp hành việc nộp giá dịch vụ theo quy định.

6. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có vướng mắc hoặc cần sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh, các tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Điều 4. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2021.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / . *Ang*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Bộ Giao thông Vận tải;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Báo Thái Bình;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTC. *mm*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Khắc Thận

